

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2021/HS – ST**
Ngày: 07/12/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tấn Công.

Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Vĩnh Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bến Tre, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Võ Văn N, sinh ngày: 13/3/1998; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn L, sinh năm: 1969 và bà Mai Thị Bích P, sinh năm: 1969; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 16/8/2021, chuyển sang tạm giam từ ngày 19/8/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Võ Văn D, sinh ngày: 13/10/1995; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn L, sinh năm: 1969 và bà Mai Thị Bích P, sinh năm: 1969; có vợ Trần Thị Thùy T, sinh năm: 1999, con 01 người con sinh năm: 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 16/8/2021, chuyển sang tạm giam từ ngày 19/8/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

+ Người làm chứng:

- Anh Trần Minh T, sinh năm: 1990 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp V, xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre.

- Anh Huỳnh Minh T, sinh năm: 1991 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- Anh Hồ Văn Y, sinh năm: 1990 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre.

- Anh Hồ Văn V, sinh năm: 1984 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 09 giờ 10 phút ngày 16/8/2021, Tổ kiểm soát phòng, chống dịch Covid-19 của Công an xã T, huyện H đang trực chốt trên Quốc lộ 57B thuộc ấp T, xã T, thì phát hiện Võ Văn D điều khiển xe mô tô Exciter biển số: 71C1-510.21, màu sơn đỏ đen, chở Võ Văn N ngồi sau xe, nên ra tín hiệu dừng xe để kiểm tra việc chấp hành Chỉ thị số: 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19. Tổ kiểm soát yêu cầu D và N xuất trình giấy tờ tùy thân để kiểm tra. Lúc này, D dùng tay phải ném xuống mặt đường 01 gói ni lông màu trắng được hàn kín ba phía, phía còn lại là rãnh khếp, bên trong có chứa N hạt tinh thể màu trắng, thì bị Tổ kiểm soát phát hiện bắt quả tang. D và N đều thừa nhận đây là gói ma túy của cả hai người cùng mua để sử dụng. Tổ kiểm soát tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật gồm có:

- 01 gói ni lông màu trắng được hàn kín ba phía, phía còn lại là rãnh khếp, bên trong có chứa N hạt tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy).

- 01 xe mô tô Exciter biển số: 71C1-510.21, màu sơn đỏ đen.

Qua quá trình điều tra, D và N cùng khai nhận vào khoảng 08 giờ ngày 16/8/2021, sau khi được Ủy ban nhân dân xã Thới Thuận cấp giấy xác nhận được phép đi đường, D điều khiển mô tô Exciter biển số 71C1-510.21 chở N đi từ nhà ở ấp T, xã T, huyện H đến Trung tâm Y tế huyện H để khám bệnh cho N. Trên đường đi, do làm đánh rơi thẻ bảo hiểm y tế, nên N không đi khám bệnh mà rủ D cùng đi đến nhà của anh Nguyễn Vũ T thuộc ấp B, thị trấn B, huyện H để mua ma túy sử dụng chung, thì được D đồng ý. N ngồi sau xe chỉ đường cho D chở đến nhà anh T. Khi đến nơi, D đưa cho N số tiền 1.000.000 đồng để N đi vào nhà gặp người thanh niên tên H (không rõ lai lịch nhân thân) mua 1.000.000 đồng ma túy. Lúc này, H lấy 01 gói ma túy bán cho N với giá 1.100.000 đồng, N nhận gói ma túy và đưa tiền cho H. Do còn thiếu 100.000 đồng, nên D lấy thêm tiền của mình trả cho H. Sau đó, N cầm gói ma túy đưa cho D cất giữ để đem về nhà sử dụng chung. D cầm gói ma túy trong lòng bàn tay phải, rồi chạy xe chở N về đến chốt kiểm soát phòng, chống dịch Covid-19 xã T, thì bị phát hiện bắt quả tang.

Tại bản Kết luận giám định số: 118/2021/GĐMT ngày 18/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói ni lông được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,9247 gam.

Ngày 05/10/2021, Cơ quan điều tra tổ chức thực nghiệm điều tra vụ án. D và N đã tự diễn lại toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của mình là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

Xe mô tô Exciter biển số: 71C1-510.21 do ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1967, nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện H làm chủ sở hữu xe. Khoảng 07 giờ ngày 16/8/2021, anh Nguyễn Tấn P (sinh năm 1995, là con ruột của ông T, tạm trú tại xã T) cho D mượn xe để chở N đi khám bệnh, không biết D và N sử dụng xe để làm phương tiện đi mua ma túy, ông T có đơn xin được nhận lại xe, nên ngày 29/10/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông Tài.

Vật chứng còn đang bị tạm giữ là 01 mẫu vật sau giám định đã niêm phong trong phong bì số: 118/2021 là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng là 0,8105 gam, có chữ ký của Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thành T và hình dấu mộc đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre.

Bản Cáo trạng số: 42/CT-VKSBD ngày 15/11/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo Võ Văn N, Võ Văn D về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Võ Văn Nhiều, Võ Văn D khai nhận: Vào lúc 09 giờ 10 phút ngày 16/8/2021, tại thị trấn B và ấp T, xã T, huyện H, Võ Văn N đã rủ rê và trực tiếp cùng với Võ Văn D tàng trữ trái phép chất ma túy Methamphetamine có khối lượng 0,9247 gam để sử dụng thì bị bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo Võ Văn N, Võ Văn D có đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Võ Văn N, Võ Văn D về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo; đánh giá nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Văn N mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Văn D mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Về vật chứng, xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 mẫu vật sau giám định đã niêm phong trong phong bì

số: 118/2021 là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng là 0,8105 gam, có chữ ký của Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thành T và hình dấu mộc đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre.

Đối với người thanh niên tên H bán gói ma túy cho N và D tại ấp B, thị trấn H vào ngày 16/8/2021. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, truy tìm H nhưng không xác định được đặc điểm lai lịch nhân thân của người này và cũng không tìm được người tên Hậu có đặc điểm như lời khai của N và D nên không có căn cứ để xem xét xử lý đối với H.

Đối với anh Nguyễn Vũ T không có liên quan gì đến vụ án nên không xem xét xử lý.

Các bị cáo Võ Văn N, Võ Văn D tự bào chữa: Nhất trí với bản Cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo mức thấp nhất.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của những người làm chứng tại phiên tòa: Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai của những người làm chứng đã thể hiện rõ trong các biên bản ghi lời khai, sự vắng mặt của những người làm chứng tại phiên tòa không ảnh hưởng đến quá trình tiến hành xét xử của vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục tiến hành phiên tòa.

[2]. Trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo Võ Văn N, Võ Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với các tình tiết của vụ án. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những chứng cứ trực tiếp như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản đôi chất, bản ảnh vật chứng, bản ảnh hiện trường, bản kết luận giám định....Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đã đủ cơ sở kết luận rằng: Vào lúc 09 giờ 10 phút ngày 16/8/2021, tại thị trấn B và ấp T, xã T, huyện H, bị cáo Võ Văn N đã rủ rê và trực tiếp cùng với bị cáo Võ Văn D tàng trữ trái phép chất ma túy Methamphetamine có khối lượng 0,9247 gam để sử dụng thì bị bắt quả tang.

Do đó, các bị cáo Võ Văn N, Võ Văn D đã phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho các bị cáo.

[3]. Các bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý của nhà nước về ma túy. Các bị cáo đã vi phạm vào điều cấm quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật phòng, chống ma túy. Tệ nạn ma túy là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại cho sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc của gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia. Không chỉ có vậy, hiểm họa từ nghiện ngập ma túy còn là nguyên nhân phát sinh N loại tội phạm đặc biệt nguy hiểm khác như trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản, giết người, v.v... Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa bàn nơi xảy ra vụ án, gây nên sự lo lắng trong nhân dân nhất là trong giai đoạn hiện nay toàn xã hội đang ra sức đấu tranh phòng, chống về ma túy. Các bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do mình gây ra.

Về vai trò đồng phạm của các bị cáo: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Trong đó, N vừa có vai trò là người xúi giục, vừa có vai trò là người thực hành, D có vai trò là người thực hành. Vì thế N là người có mức độ phạm tội cao hơn, tính chất nguy hiểm hơn so với bị cáo D. Nên hình phạt của bị cáo N phải cao hơn bị cáo D.

[4]. Về nhân thân của các bị cáo:

Bị cáo N không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, vào năm 2016 và năm 2017 bị Công an xã T, huyện H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc và đánh nhau. Do đó bị cáo N được coi là có nhân thân xấu.

Bị cáo D không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên bản thân bị cáo là người nghiện ma túy. Vào năm 2011 bị Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng. Năm 2017 bị Công an xã T, huyện H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh đập gây thương tích cho thành viên trong gia đình. Do đó bị cáo D được coi là có nhân thân xấu.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngoài tình tiết định tội, định khung hình phạt các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng (thương binh hạng 4/4). Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7]. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội lớn, Hội đồng xét xử xét thấy, đối với các bị cáo cần phải cách ly ra

khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định nhằm để trừng trị và giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa. Mặt khác còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

[8]. Về vật chứng, xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 mẫu vật sau giám định đã niêm phong trong phong bì số: 118/2021 là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng là 0,8105 gam, có chữ ký của Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thành T và hình dấu mộc đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre. Vì đây là chất ma túy bị cấm tàng trữ.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Do đó, các bị cáo Võ Văn N, Võ Văn D có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo có nghề nghiệp đi biển nên thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10]. Đối với nguồn gốc ma túy mà các bị cáo khai mua của người thanh niên tên H không rõ họ, tên, địa chỉ nên chưa có căn cứ để chứng minh người bán. Do đó, Cơ quan điều tra tách hành vi, tiếp tục xác minh, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Vũ T không có liên quan gì đến vụ án nên không xem xét xử lý là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với xe mô tô Exciter biển số 71C1-510.21 do ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1967, nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện H làm chủ sở hữu xe. Khoảng 07 giờ ngày 16/8/2021, anh Nguyễn Tấn P (sinh năm 1995, là con ruột của ông T) cho D mượn xe để chở N đi khám bệnh, không biết D và N sử dụng xe để làm phương tiện đi mua ma túy, ông Tài có đơn xin được nhận lại xe, nên ngày 29/10/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông Tài là đúng với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11]. Luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử kết án các bị cáo Võ Văn N, Võ Văn D về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự và đề nghị hình phạt, xử lý vật chứng là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Võ Văn N, Võ Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Văn N, Võ Văn D phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/8/2021.

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/8/2021.

2. Về vật chứng, xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 mẫu vật sau giám định đã niêm phong trong phong bì số: 118/2021 là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng là 0,8105 gam, có chữ ký của Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thành T và hình dấu mộc đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre.

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Đại và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại ngày 06/12/2021.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Võ Văn N, Võ Văn D, mỗi bị cáo phải chịu: 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND huyện Bình Đại;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (P.KTNV&THA);
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quang Hải